



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE MAU THANG
Last Middle First

Current Address: 99/7 Lý Thái Tổ đã xây

Date of Birth: 02/10/42 Place of Birth: Quảng Trị

Previous Occupation (before 1975) Capt.
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 05/75 To 03/10/80
Years: 5 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: LOAN LE
Name
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

QUESTIONNAIRE FOR OUR APPLICANTS

CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

NAME

Date :

Ngày :

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

: Mail or send the completed questionnaire to :
: Gửi số câu hỏi này tới :

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết thạo Anh Ngữ thì bằng tiếng Việt

127 PAN JASHUM BUILDING
Sathorn Tai road
Bangkok Thailand

A. BASIC IDENTIFICATION DATA/LY LỊCH CĂN BẢN

1. Name

Họ, tên

LÊ MẠU THĂNG

Sex :

Phái :

2. Other Names

Họ, tên khác

không có.

3. Date/Place of birth

Ngày, Nơi sinh

10.02.42 - Triệu Phong, Quảng Trị.

4. Residence address

Địa chỉ thường trú

97/7 Lý Thái Tổ Đà Nẵng

5. Mailing address

Địa chỉ thư từ

97/7 Lý Thái Tổ Đà Nẵng.

6. Current Occupation

Nghề nghiệp hiện tại

Lao động tự do (gặp công việc xây dựng - di chuyển làm công việc khác).

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME/BA CON CÙNG ĐI VỚI TÔI

(NOTE : Your spouse and unmarried children are the only relative eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows : Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S) (CHÚ Ý : Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn hệ thôi. Kê khai tình trạng gia đình như sau : Đã lập gia đình (M) đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W) hoặc độc thân (S))

Name Họ, tên	Date of Birth Ngày/tháng/năm sinh	Place of birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng G.Đinh	Relationship Liên hệ G.Đinh
-----------------	--------------------------------------	----------------------------	-------------	-------------------------	--------------------------------

1. Huyền Tôn Nữ	27.7.48	Phước Mỹ Huế	Nữ	chồng + 3 con	vợ.
-----------------	---------	--------------	----	---------------	-----

2. Huỳnh Cường					
3. Huyền Huỳnh Nhi	22.6.70	Thạc Gián Đà Nẵng	Nữ	Độc thân (HOC SING)	con

4. Lê Văn Huỳnh	01.01.72	Thạc Gián Đà Nẵng	Nam	HOC SING	con
-----------------	----------	-------------------	-----	----------	-----

5. Phạm Hiền	30.8.73	Thạc Gián Đà Nẵng	Nam	HOC SING	con
--------------	---------	-------------------	-----	----------	-----

6.					
----	--	--	--	--	--

7.					
----	--	--	--	--	--

8.					
----	--	--	--	--	--

9.					
----	--	--	--	--	--

10.					
-----	--	--	--	--	--

11.					
-----	--	--	--	--	--

12.					
-----	--	--	--	--	--

(NOTE : For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificates (if widowed), identification cards (if available), and photos, if any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their address in section I below)
(CHÚ Ý : Cho mỗi người có tên trong danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai sinh, gia đình (nếu lập gia đình) giấy ly hôn (nếu đã ly dị) giấy khai tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê) thẻ căn cước (nếu có) và hình. Nếu bà còn sẽ cùng đi với họ không chung họ với bạn hiện tại, xin viết địa chỉ của họ trong phần I)

6. Reason for separation *miền Nam thất thủ 1975*
 lý do nghỉ việc
7. Name of American advisor (S) *TR/ủy Kilson - Richard Miller*
 họ tên người cố vấn Mỹ
8. U.S. training course in Vietnam
 chương trình huấn luyện Hoa Kỳ tại VN - *mũi kho vàng tau (1968)*
 - *Trường Cầu Mai Saigon (1972)*
9. U.S. Awards or certificates
 Name of award *quân hết* - Date of received
 Phần thưởng hoặc giấy khen *quân hết* - ngày nhận

(ATTN: Please attach any copies of diplomas, award or certificates, if available)
 Available? Yes ☐ No ☒
 CHÚ Ý: Xin bạn kèm theo bất cứ văn bằng, giấy khen, hoặc chứng chỉ nào có. Chúng tôi
 có không? Có ☐ Không ☒ *thất lạc hết*

6. RE-EDUCATION TRAINING OF YOUR OR YOUR SPOUSE/ bạn hoặc vợ/chồng đã học tập hoặc huấn luyện

1. Name of student/trainee:
 họ tên sinh viên/người được huấn luyện *LE MAU THANH*
2. School and school address
 Trường & địa chỉ nhà trường *intelligence school - SKIN - USA*
3. Dates:
 ngày tháng năm From *3.68* to *6.68*
4. Description of course
 mô tả ngành học *Hoàn thiện tập tành báo*
5. Who paid for training:
 ai trả tiền chương trình huấn luyện *Hoàng Kỳ*

(ATTN: Please attach copies of diplomas or orders, if available, available? Yes ☐ No ☒
 CHÚ Ý: Xin bạn kèm theo văn bằng, hoặc chỉ thị nào có, bạn có hay không? Có ☐ Không ☒ *thất lạc hết*

7. RE-EDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE/ bạn hoặc vợ/chồng đã học tập hoặc huấn luyện

1. Name of person in reeducation
 họ tên người đi học tập cải tạo *LE MAU THANH*
2. Date in reeducation: From *1975-1978: tại trại tạt dân gian (chợ con trâu nung)*
 thời gian học tập *1979-1980: trại F Pleu Keng (bà nary) (bà nary) (bà nary)*
3. Still in reeducation: Yes ☐ No ☒
 bạn còn học tập cải tạo? Có ☐ Không ☒ *(bình Keng)* *Đang bắt buộc phải học*

(If released, we must have a copy of your release certificate)
 (nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại)

8. Any additional remarks: các ghi chú khác:

1975-1977: cải tạo tại trại tạt dân gian chợ con trâu nung -
1978-1978: đưa về địa phương Lạc động tập dượt như người lao động trong sản xuất - Việt nam cộng sản, đảo lộn nước cá vồ.
1979-1980: cải tạo sau cùng tại trại I Pleu Keng (bà nary) (bà nary) (bà nary)
1965-1975: giáo viên của trường ở Saigon - 1975 bị bắt buộc
1975-1975: bị bắt buộc ở Saigon - 1975-1975: bị bắt buộc ở Saigon - 1975-1975: bị bắt buộc ở Saigon

Signature: Le Thanh *20.1.1989*

(All documents attached to this questionnaire)
 (tất cả tài liệu đính kèm theo bảng câu hỏi này)

- *chứng minh thư nhân dân*
- *hộ chiếu*
- *khảo sát nguyện vọng học tập*
- *khảo sát lý lịch*
- *khảo sát lý lịch công nhân*
- *khảo sát lý lịch quân nhân*
- *khảo sát lý lịch khác*

C. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM/ Họ hàng ở nước ngoài :

of myself/anh tôi of my spouse/của vợ/chồng

1. Closest relative in the U.S.
Anh em thân thuộc nhất ở Hoa Kỳ

a/ Name
Tên, họ Lê Hui Loan (tức Lê Hui Mui)

b/ Relationship
Mối quan hệ gia đình em ruột

c/ Address
Địa chỉ Loan LÊ

d/ Date of relative arrival in the U.S. Không nhớ
Ngày họ đến đây

2. Closest relative in other foreign countries không có
Anh em thân thuộc nhất ở các nước khác

a/ Name
Tên, họ

b/ Relationship
Mối quan hệ gia đình

c/ Address
Địa chỉ

3. DECEASED RELATIVES (MIVAT/Đã chết) Death sách họ và họ ghi rõ chết

1. Father Lê Thanh (chết)
Cha

2. Mother Lê Hui Sum (chết)
Mẹ

3. Spouse Huyền Tôn Mui Hui Cường
Vợ/chồng

4. Former spouse (if any)
Vợ/chồng trước (nếu có)

5. Children
Con cái
(1) Lê Huyền Hui Mui
(2) Lê Công Hui
(3) Lê Minh Hui
(4)
(5)
(6)
(7)
(8)
(9)

6. Siblings
Anh em
(1) Lê Oanh
(2) Lê Mai Hương
(3) Lê Hui Chín
(4) Lê Hui Loan (Mui)
(5) Lê Hui Phụng
(6)

2. EMPLOYMENT BY U.S. GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER U.S. ORGANIZATION IF YOU OR YOUR SPOUSE
(Bạn hoặc vợ chồng đã làm việc cho các cơ quan chính phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ)

1. Employee Name
Tên họ nhân viên

2. Position title
Tên chức vụ giám sát viên
Tên họ của người
Agency/Company/Office
Cơ quan/Hãng/Văn phòng

Length of employment
Thời gian làm việc

From Từ	To Đến
------------	-----------

Name of American supervisor
Tên họ Giám đốc Mỹ

Reason for separation
Lý do nghỉ việc

1. Employee Name
Tên họ nhân viên

Position title
Chức vụ

Agency/Company/Office
Cơ quan/Hãng/Văn phòng

Length of employment
Thời gian làm việc

From Từ	To Đến
------------	-----------

Name of American supervisor
Tên họ Giám đốc Mỹ

Reason for separation
Lý do nghỉ việc

2. Employee Name
Tên họ nhân viên

Position title
Chức vụ

Agency/Company/Office
Cơ quan/Hãng/Văn phòng

Length of employment
Thời gian làm việc

From Từ	To Đến
------------	-----------

Reason for separation
Lý do nghỉ việc

Name of American supervisor
Tên họ Giám đốc Mỹ

3. SERVICE WITH GVN OR RVNAF IF YOU OR YOUR SPOUSE
(Bạn hoặc vợ chồng đã phục vụ với chính phủ Việt Nam)

1. Name of person serving
Tên người tham gia

2. Dates
Ngày tháng năm

3. Last rank
Cấp bậc cuối cùng

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/Phòng/Văn phòng quân sự

5. Name of supervisor /C.O.
Tên người chỉ huy /Sĩ quan chỉ huy

QUESTIONNAIRE FOR OUR APPLICANTS

CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

NAME :

Date :

Ngày :

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Xin điền vào so câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết thạo Anh Ngữ thì bằng tiếng Việt

: Mail or send the completed questionnaire to :
: Gai so câu hỏi này tới :

127 PAN JASHUM BUILDING
Sathorn Tai road
Bangkok Thailand

A. BASIC IDENTIFICATION DATA/LY LỊCH CÁN BẢN

1. Name

Họ, tên

LÊ MẬU THĂNG

Sex :

Phái :

2. Other Names

Họ, tên khác

không có.

3. Date/Place of birth
Ngày, Nơi sinh

10.02.42 - Triệu Long, Quảng Trị.

4. Residence address
Địa chỉ thường trú

97/7 Lý Thái Tổ Đà Nẵng.

5. Mailing address
Địa chỉ thư tu

97/7 Lý Thái Tổ Đà Nẵng.

6. Current Occupation
Nghề nghiệp hiện tại

Lao động ở trường (gặp công việc cực lắm - đi học làm công việc lắm).

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME/BA CON CÙNG ĐI VỚI TÔI

(NOTE : Your spouse and unmarried children are the only relative eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows : Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S) (CHÚ Ý : Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn là được. Không khai tình trạng gia đình như sau : Đã lập gia đình (M) đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W) hoặc độc thân (S))

Name Họ, tên	Date of Birth Ngày/tháng/năm sinh	Place of birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng G.Đinh	Relationship Liên hệ G.Đinh
-----------------	--------------------------------------	----------------------------	-------------	-------------------------	--------------------------------

1. Huyền Tôn Nữ	27.7.48	Phước Mỹ Huế	Nữ	Chồng + B con	Vợ.
-----------------	---------	--------------	----	---------------	-----

2. Huỳnh Cường					
3. Lê Huyền Huệ Nhi	22.6.70	Thạc Gián Đà Nẵng	Nữ	Độc thân (HỌC SINH)	con

4. Lê Văn Huỳnh	01.01.72	Thạc Gián Đà Nẵng	Nam	Học sinh	con
-----------------	----------	-------------------	-----	----------	-----

5. Lê Văn Thiên	30.8.73	Thạc Gián Đà Nẵng	Nam	Học sinh	em.
-----------------	---------	-------------------	-----	----------	-----

7.

8.

9.

10.

12.

(NOTE : For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married) divorce decrees (if divorced) spouse's death certificates (if widowed), identification cards (if available), and photos, if any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their address in Section I below)
(CHÚ Ý : Cho mọi người có tên trong danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai sinh, gia đình (nếu lập gia đình) giấy ly hôn (nếu đã ly dị) giấy khai tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê) thẻ căn cước (nếu có) và hình. Nếu ba con sẽ cùng đi với bạn không chúng ta với bạn hiện tại, xin viết địa chỉ của họ trong phần I)

6. Reason for separation *miền Nam thất thủ 1975.*
 lý do nghi việc
7. Name of American advisor (S) *TRƯỞNG KILSON - THIEUDA MILLER.*
 họ tên cố vấn Mỹ
8. U.S. training course in Vietnam *- mìn kho vũng tau (1968)*
 chương trình huấn luyện Hoa Kỳ tại VN *- trường Cao Mai Saigon (1972)*
9. U.S. Awards or certificates
 Name of award *quân hết -* Date of received
 Phan thưởng hoặc giấy khen *ngày nhận*

(NOTE : Please attach any copies of diplomas, award or certificates, if available
 Available ? Yes ☒ No ☐
 CHÚ Ý : Xin bạn kèm theo bất cứ văn bằng, giấy khen, hoặc chứng thư nào có. Nếu có thì có không ? Có ☒ Không ☐ *thiếu hết*

10. TRAINING COURSES VIETNAM OF YOUR OR YOUR SPOUSE/ bạn hoặc vợ/chồng đã huấn luyện hoặc tham gia

1. Name of Student/Trainee :
 họ tên sinh viên/người được huấn luyện *LÊ MAU THANG*
2. School and school address
 Trường & địa chỉ nhà trường *intelligence school - Okinawa*
3. Dates :
 ngày tháng năm *From 3.68 To 6.68*
4. Description of course
 mô tả ngành học *Huấn luyện tình báo*
5. Who paid for training ?
 ai đài thọ chương trình huấn luyện *Hoạt động*

(NOTE : Please attach copies of diplomas or orders, if available, available ? Yes ☐ No ☒
 CHÚ Ý : Xin bạn kèm theo văn bằng, hoặc chỉ thị nếu có, nếu có hãy không ? Có ☐ Không ☒ *thiếu hết*

11. RE-EDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE/ bạn hoặc vợ/chồng đã học tập cải tạo

1. Name of person in reeducation *LÊ MAU THANG*
 họ tên người đi học tập cải tạo
2. Time in reeducation : From *1975-1978: tại trại tam giác (chợ cũ ở Nam)*
 thời gian học tập *To 1979-1980: trại 7 Thủ Đức (ở Nam)*
3. Still in reeducation : Yes ☐ No ☒
 bạn còn học tập cải tạo : Có *(định kèm)* Không *Đã được phóng thích*

*(If released, we must have a copy of your release certificate)
 *(nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại)

12. Any Additional Remarks : cuộc phiêu lưu :

1975-1977: cải tạo tại trại tam giác chợ cũ ở Nam -
1978-1978: đưa về địa phương Lao động tập thể như người lao động ở
trung tâm cứu đói - về nước công nhân, đảo lộn nước cá vồ.
1979-1980: cải tạo sau cùng tại trại 7 Thủ Đức Quận Nam Định
ở trại tam giác chợ cũ. 1965-1975: giáo viên của trường ở Saigon - 1975 bị bắt đưa
đến trại cải tạo ở Thủ Đức Saigon - 1975-1979: bị bắt đưa về trại nước công nhân.

Signature
 họ tên

Lê Mau Thang

20.1.1989

(Please attach any documents attached to this questionnaire
 (Xin bạn kèm theo tài liệu đi kèm theo bảng hỏi này)

- Giấy ra trại của Lê Mau Thang
- Giấy xác nhận công nhân
- Khai sinh, giấy tờ nhân thân
- Khai sinh, giấy tờ học sinh
- Khai sinh, giấy tờ công nhân
- Khai sinh, giấy tờ quân nhân
- Sổ của Nam Định

C. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM/ Họ hàng ở ngoài nước :

Of myself/của tôi Of my spouse/của vợ/chồng

1. Closest relative in the U.S.
 Người thân thân nhất ở Hoa Kỳ

a/ Name
 Họ, tên Lê Hui Loan (tên Lê Hui Mui)

b/ Relationship
 Mối quan hệ gia đình em ruột

c/ Address
 Địa chỉ Loan LÊ

d/ Date of relative arrival in the U.S. không nhớ
 Ngày họ đến đây

2. Closest relative in other foreign countries không có
 Người thân thân nhất ở các nước khác

a/ Name
 Họ, tên

b/ Relationship
 Mối quan hệ gia đình

c/ Address
 Địa chỉ

D. COMPLETE FAMILY LISTING (LIVEST/DEAD) Danh sách toàn thể gia đình (sống/chết)

1. Father Lê Thanh (chết)
 Cha

2. Mother Lê Hui Sum (chết)
 Mẹ

3. Spouse Huyền Tôn Mui Hui (chết)
 Vợ/chồng

4. Former spouse (if any)
 Vợ/chồng trước (nếu có)

5. Children (1) Lê Huyền Hui Mui
 Con cái (2) Lê Công Hui Mui

(3) Lê Minh Hui Mui
 (4)
 (5)
 (6)
 (7)
 (8)
 (9)

6. Siblings
 Anh chị em

(1) Lê Oanh
 (2) Lê Mai Hương
 (3) Lê Hui Chinh
 (4) Lê Hui Loan (Mui)
 (5) Lê Hui Phung
 (6)

E. EMPLOYMENT BY U.S. GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER U.S. ORGANIZATION OF YOU OR YOUR SPouse
(Bao hoi vo chồng đã làm việc cho một cơ quan chính phủ Mỹ hoặc hàng lý)

1. Employee Name
Tên họ nhân viên

2. Position title
Hạng supervisor supervisor
Tên họ của người
Agency/Company/Office
Cơ quan/Văn phòng

Length of employment
Thời gian làm việc

	From Từ	To Đến
--	------------	-----------

Name of American supervisor
Tên họ của người giám sát

Reason for separation
Lý do nghỉ việc

1. Employee Name
Tên họ nhân viên

Position title
Hạng vụ

Agency/Company/Office
Cơ quan/Văn phòng

Length of employment
Thời gian làm việc

	From Từ	To Đến
--	------------	-----------

Name of American supervisor
Tên họ của người giám sát

Reason for separation
Lý do nghỉ việc

2. Employee Name
Tên họ nhân viên

Position title
Hạng vụ

Agency/Company/Office
Cơ quan/Văn phòng

Length of employment
Thời gian làm việc

	From Từ	To Đến
--	------------	-----------

Reason for separation
Lý do nghỉ việc

Name of American supervisor
Tên họ của người giám sát

F. SERVICE WITH GVN OR RVN OF YOU OR YOUR SPouse (Bạn hoặc vợ/chồng đã phục vụ với chính phủ Việt Nam):

1. Name of person serving
Tên người tham gia

LE MAU THANH

2. Dates
Ngày tháng năm

12/1965 - đến 1975 -

3. Last rank
Hạng cuối cùng

Đội - úy. Số quân 62/210862.

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/phòng/văn phòng quân sự

Đoàn 65/Bổnvi' 101.

5. Name of supervisor /S.O.
Tên người giám sát/thủ cấp quân chỉ huy

Đoàn 65: Thiếu tá Nguyễn Huân Sang
Bổnvi' 101: Đại tá Lê Đình Luân

HỘI NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH AN QUANG - Đ. I

Độc lập, Tự do, Hạnh phúc

TRAO MIỀN TỰ TRAI

312/70

10 tháng 03 năm 1980

TRAI RA TRAI

Theo thông tư số 966/BCA/TT-NGay 31 tháng 5 năm 1981 của Bộ V

Thi hành án viên quyết định tha số 140 ngày 04/03/1980 của Ty Tổng An Quang Nam Đà Nẵng.

Nay cấp giấy tha ra anh, chỉ có tên sau đây:

Họ và tên thật anh: LE MAU THANG
Họ và tên thường gọi: Ma Mau Họ và tên bí danh: Ma Mau
Sinh ngày: 10 tháng 02 năm 1942
Tại: Thị trấn Hòa Xuân, huyện Hòa Xuân, Đà Nẵng
Ngày đăng ký nhận khai thường trú trước khi bị bắt: 10 tháng 10 năm 1979
Tên gia đình: Phạm Văn Thanh Bị bắt tại: Đ. 12, 09
Án phạt: 12 năm Theo quyết định án văn số 2078
Ngày: 13 tháng 12 năm 1979 của tòa án nhân dân Đà Nẵng
Đã bị täng án: 1 năm 6 tháng Đã được giảm án: 1 năm
Nay ra ra trại tại: Đ. 10, Thị trấn Hòa Xuân, huyện Hòa Xuân, Đà Nẵng

NHÂN XÉT, QUẢ TRÌNH CẢI TẠO

Trong thời gian học tập cải tạo, tư tưởng an tâm, xác định rõ
việc làm sai trái, quá lao động có nhiều tiến bộ, biết cố gắng tích
cực, nghiêm chỉnh chấp hành nội quy kỷ luật của Trại, chưa có gì sai
phạm nữa.

Nay Ban giám thị Trại chúng tôi đề nghị về các cơ quan chính
quyền và đoàn thể ở địa phương hết sức giúp đỡ anh Thang tiến
bộ nhiều hơn nữa để trở thành người công dân lương thiện.

Lần ngón tay bro fải
- Của Ma Mau Thang Họ tên và chủ
- Danh ban số 52930 ký người được
- Lập tại Đ. 10 cấp giấy

(m. Ban giám thị
Trại cải tạo Hòa Xuân)



Th
Le Mau Thang

Đ. 10, Thị trấn Hòa Xuân

ĐƠN NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

312/87

10 tháng 03 năm 1980

III - LẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966/BCA/TN ngày 31 tháng 5 năm 1971 của Bộ Nội vụ

Thi hành án viên quyết định tha số 180 ngày 01/12/1979 của Ty Công An Quảng Nam - Đà Nẵng.

Nay cấp giấy thả vào anh, chỉ có tên sau đây:

Họ và tên khai sinh LE MAU THANG
Họ và tên thường gọi Chang Họ và tên bị donh Chang
Sinh ngày 10 tháng 02 năm 1942
Nơi sinh Thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng, Quảng Trị
Mất tang ký nhân khai thường trú trước khi bị bắt tổ 10 Nhân dân Chi Lăng, huyện Chi Lăng, Quảng Trị
Cán bộ Đã bị tang an Bị bắt ngày 12.12.79
án phạt Đã được giảm án Theo quyết định án văn số 2078
ngày 13 tháng 12 năm 1979 của tòa án nhân dân Quảng Nam - Đà Nẵng.
Đã bị tang an lần 1 Công lần 1
Đã được giảm án lần 1 Công thành lần 1
Nay ra tù tại tổ 10 Nhân dân Chi Lăng, huyện Chi Lăng, Quảng Trị

NHÂN XÉT, QUÁ TRÌNH CẢI TẠO

Trong thời gian học tập cải tạo, tư tưởng an tâm, xác định rõ việc làm sai trái, quá lao động quá nhiều tiến bộ, biết cố gắng tích cực, nghiêm chỉnh chấp hành nội quy kỷ luật của Trại, chưa có gì sai phạm.

Nay Ban giám thị Trại chúng tôi đề nghị về các cơ quan chính quyền và đoàn thể ở địa phương hết sức giúp đỡ anh Chang tiến bộ nhiều hơn nữa để trở thành người công dân lương thiện.

- Lăn ngón tay bro fải
- Qua Chang
- Danh bản số 52930
- Lăn tại ĐƠN

Họ tên và chủ
ký người được
cấp giấy

th

Lê-mai-Thang

(m. Ban giám thị
Trại cải tạo tiến lành



ĐƠN VỊ BAN

SỞ TƯ PHÁP
TRUNG - PHẦN
TÒA SƠ THẨM
QUẢNG NAM tại **ĐÀ NẴNG**
CHỨNG THƯ THAY GIẤY
KHAI-SINH
số 868

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA
Năm một nghìn chín trăm Sáu mươi mốt
ngày Mười Hai tháng Bri hồi _____ giờ
Trước mặt chúng tôi là Bri Đông
Tòa Sơ Thẩm Quảng Nam tại **DANANG** ngồi tại văn
Phòng có Ông Mai Xuân Việt Lục sự giúp việc

CÓ ĐỀN TRÌNH DIỆN

1o Ông Việt Hân 45 tuổi, trú ngụ tại Chợ Giàn ĐN
Căn-cước số 16A. 002. 663 cấp tại Đồ Màng ngày 20/12/1956
2o Nguyễn Se? 37 tuổi, trú ngụ tại Chợ Giàn ĐN
Căn-cước số 24A. 003. 105 cấp tại Đồ Màng ngày 19/18/1955
3o Phạm Văn Duyên? 31 tuổi, trú ngụ tại Hải Châu ĐN
Căn-cước số 30A. 1306 cấp tại Hải Châu ngày 22/18/1955

Những người chứng nói trên, sau khi thề nói tất cả sự thật đã khai và chứng
thật biết rõ HUYỀN-TÔN-NỮ-THỊ-CỔNG
Nam, Nữ, Quốc-tịch Việt-Nam sinh ngày Hai mươi bảy
tháng tháng năm một ngàn chín trăm năm mươi tám
tại Phu Mỹ & Huế
là con của Ông Bri Đông và Bà Ngô Thị Cỏ vợ Chức-thực

Mấy người này quả quyết rằng Bri Đông
không thể xuất nập giấy **KHAI-SINH** Cau cũng được vì lẽ số hộ tịch chánh quán
bị phá hủy bởi những biến cố chiến-tranh bản chánh bị thất lạc.

Mấy người chứng đã nhận thật những lời khai ở trên, nên chúng tôi chiếu các điều
47 và 48 Buồng Việt Hộ luật lập tờ chứng thư này thay thế giấy **KHAI-SINH**
của Huyền Tôn Nữ Cổng cấp cho đương sự Bri Đông
để nộp hồ sơ của chúng tôi

Những người chứng sau khi nghe đọc bản văn này, đã ký tên cùng chúng tôi và Lục-sự

Người đứng khai

Bri Đông

Những người chứng

— Ông Việt Hân
— Nguyễn Se?
— Phạm Văn Duyên?

Lục-sự

Tem bản chính :

Trước bạ thu

Trước bạ tại Đà Nẵng ngày 15/4/61

Quyền _____ tờ _____ số _____

CHỦ - SỰ

Ký tên và đóng dấu

Sao Y chánh bản

Đà-Nẵng, ngày 9 tháng 06 năm 1961

CHÁNH LỤC SỰ

SỞ TƯ PHÁP
TRUNG-PHẦN
TÒA SƠ THẨM
QUẢNG NAM tại ĐÀ NẴNG
CHỨNG THƯ THAY GIẤY
KHAI-SINH
số 868

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
Năm một nghìn chín trăm Sáu mươi mốt
ngày Mười Hai tháng Bưởi hồi _____ giờ
Trước mặt chúng tôi là Bổn Đai
Tòa Sơ Thẩm Quảng Nam tại DANANG ngồi tại văn
Phòng có Ông Mai Xuân Bưởi Lục sự giúp việc

CÓ ĐỀN TRÌNH DIỆN

1o Ông Việt Hân 45 tuổi, trú ngụ tại Chợ Cầm ĐN
Căn-cước số 1EA.002.663 cấp tại Đà Nẵng ngày 20/12/1956
2o Nguyễn Se? 37 tuổi, trú ngụ tại Chợ Cầm ĐN
Căn-cước số 24A.003.105 cấp tại Đà Nẵng ngày 19/8/1955
3o Phạm Văn Duyên? 31 tuổi, trú ngụ tại Hải Châu ĐN
Căn-cước số 30A.1306 cấp tại Hải Châu ngày 22/8/55

Những người chứng nói trên, sau khi thề nói tất cả sự thật đã khai và chứng
thật biết rõ HUYỀN-TÔN-NỮ-THỊ-CỔNG
Nam, Nữ, Quốc-tịch Việt-Nam sinh ngày Hai mươi bảy
tháng ba năm một ngàn chín trăm bốn mươi tám
tại Phủ Lý & Huế
là con của Ông Bổn Đai và Bà Hồ Thị Cốc vợ Chính-thức

Mấy người này quả quyết rằng Bổn Đai
không thể xuất nập giấy **KHAI-SINH** Còn cần y được vì lẽ số hộ tịch chánh quán
bị phá hủy bởi những biến cố chiến-tranh bản chánh bị thất lạc.

Mấy người chứng đã nhận thật những lời khai ở trên, nên chúng tôi chiếu các điều
47 và 48 Buổi Việt Hộ luật lập tờ chứng thư này thay thế giấy **KHAI-SINH**
của Huyền Tôn Nữ cấp cho đương sự Bổn Đai
để nộp hồ sơ Của chúng tôi

Những người chứng sau khi nghe đọc bản văn này, đã ký tên cùng chúng tôi và Lục-sự

Người đứng khai

Bổn Đai

Những người chứng

— Ông Việt Hân
— Nguyễn Se?
— Phạm Văn Duyên?

Lục-sự

Tem bản chính :

Trước bạ thu

Trước bạ tại Đà Nẵng ngày 15/4/61

Quyền _____ tờ _____ số _____

CHỦ-SỰ

Ký tên và đóng dấu

Sao Y chánh bản

Đà-Nẵng, ngày 9 tháng 06 năm 1961
CHÁNH LỤC-SỰ

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, Thị trấn: THẠC GIÀN
Thị xã, Quận: II
Thành phố, Tỉnh: DANANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

M33: 4T3/P2
Số: _____
Quyền số: _____

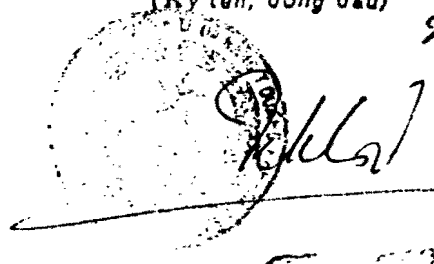
Bản sao

GIẤY KHAI SINH

Họ và tên	LE HUYNH THUC NHAI		Nơi nư	NU
Sinh ngày, tháng, năm	22.06.1970 (LÀNG THẠC GIÀN, THỊ XÃ II, THÀNH PHỐ DANANG)			
Nơi sinh	THẠC GIÀN, DANANG			
Khai và cha, mẹ	CHA		MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	LE NHAU THANH 28 TUỔI		HUYNH TOAN NU THI CHON 22 TUỔI	
Dân tộc	KINH		KINH	
Quốc tịch	VN		VN	
Nghề nghiệp	QUẢN LÝ NHÂN		NỘI TRƯỞNG	
Nơi ĐKKK thường trú	TỔ 21 THẠC GIÀN, DANANG		TỔ 21 THẠC GIÀN, DANANG	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai.	28 TUỔI, 12 NHAU THANH, T. 21, THẠC GIÀN, DANANG CNCC SỐ: 200118532 DANANG ĐĂNG KÝ: 20/06/1970			

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 16 tháng 12 năm 1987
TM. UBND Thạc Giàn
(Ký tên, đóng dấu)

Đăng ký ngày 16 tháng 12 năm 1987
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)



ΣΑ, ΤΗ, ΗΔΑ: 25-6-68

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

58.

Thj XL Qufn : 74

Bản sao

Quyền số : _____

Thick phd, Thick : 2 1/2

GIẤY KHAI SINH

[illegible]

Họ và tên	LÊ VĂN CHÁNH		Sex: ☒ NỮ ☐ M
Sinh ngày, tháng, năm	22.05.1971. (22.05.1971 LÊ VĂN CHÁNH, HAI CHáu TRAI CỦA CHÁNH VĂN HẠCH).		
Nơi sinh	TRAI GIANG SÁI HẠCH		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày tháng, năm sinh)	LÊ VĂN CHÁNH 22.05.1971	LÊ VĂN CHÁNH 22.05.1971	
Dân tộc	KINH	KINH	
Quốc tịch	VIỆT NAM	VIỆT NAM	
Nghề nghiệp	TRAI GIANG	TRAI GIANG	
Nơi ĐKKK thường trú	TRAI GIANG SÁI HẠCH TRAI GIANG SÁI HẠCH	TRAI GIANG SÁI HẠCH TRAI GIANG SÁI HẠCH	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai.	LÊ VĂN CHÁNH TRAI GIANG SÁI HẠCH, TRAI GIANG SÁI HẠCH QUÂN SỐ : 20010740 HAI CHáu TRAI GIANG SÁI HẠCH TRAI GIANG SÁI HẠCH		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 16 tháng 12 năm 1992

TM. UBND Khac nien'

(Ký tên, đóng dấu)

Đã ký ngày 16 tháng 12 năm 1987

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)



KHAI-SINH

Tên Họ sú nhĩ LI - OUNG - HUNG

Phái Nam

Sinh 01-01-1972 (Ngày mốt, tháng giêng, năm mốt ngàn
Ngày, tháng, năm) chín trăm bảy hai).

Tại Đà - Nẵng

Cha LI - HAI - HUNG
(Tên họ)
Tuổi 30 tuổi

Nghề Chưa nhận

Cư trú tại Đèo Giàn, Đà - Nẵng

Mẹ NGUYEN - THI - HU - THI - GIANG
(Tên họ)
Tuổi 24 tuổi

Nghề Chưa nhận

Cư trú tại Đèo Giàn, Đà - Nẵng

Vợ Chưa
(Chưa hay biết)

Người thay LI - HAI - HUNG
(Tên họ)
Tuổi 30 tuổi

Nghề Chưa nhận

Cư trú tại Đèo Giàn, Đà - Nẵng

Ngày khai 03-01-1972 (Ngày ba, tháng giêng, năm mốt ngàn
chín trăm bảy hai).

Người chứng thứ nhất HU - HAI
(Tên họ)
Tuổi 30 tuổi

Nghề Chưa nhận

Cư trú tại Đèo Giàn, Đà - Nẵng

Người chứng thứ nhì LI - OUNG
(Tên họ)
Tuổi 35 tuổi

Nghề Chưa nhận

Cư trú tại Đèo Giàn, Đà - Nẵng

QUANG TRUNG
MỘT SỐ QUÂN
SỞ LO THANG 6 năm 1975
1 BÀN HAI PHƯƠNG
Trang 4

Lâm tại

ngày tháng năm 19

Người khai.

Theo đơn

lời 03

3 nhân chứng

LI - HAI - HUNG

HU - HAI
LI - OUNG

Le Văn Biên

Cu triet voi phao giun, Ba - nang

NEW YORK



Lê Văn Biên

CHUNG HÒA MIỀN BẮC VIỆT NAM

VIỆT NAM - CÔNG HÒA

TỈNH PHƯỚC THỌ

QUẬN PHƯỚC THỌ

XÃ PHƯỚC THỌ

Số hiệu 430

Trích Lục Bộ Khai Sinh

Lập ngày 04 tháng 9 năm 1973

Tên họ đứa trẻ LI - MINH - HIỂN

Con trai hay con gái trai

Ngày sinh ngày 04 tháng 09 năm một ngàn chín trăm
 bảy mươi ba (30 / 09 / 1973)

Nơi sinh thị trấn thành phố Phước Chính, huyện

Tên họ người cha LI MINH - THẠO

Tên họ người mẹ PHU THO - PHU THO - PHU THO

Vợ chính hay không có hôn thú vợ chính

Tên họ người đứng khai LI MINH - THẠO

CHUNG HÒA

MIỀN BẮC VIỆT NAM

Ngày 04 tháng 6 năm 1975

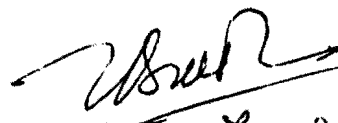
Tại thị trấn thành phố Phước Chính

CHUNG HÒA

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÁNH

Chính - bản, ngày 04 tháng 9 năm 1973

Viên chức bộ tịch


Lê Văn Bền

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VIỆT NAM
CỘNG HÒA
TÊN QUÊ HƯƠNG
QUẬN

Xã (Phường)
Số hiệu

Trích Lục Bộ Khai Sinh

Lập ngày tháng năm 1973

Tên họ đứa trẻ
Con trai hay con gái
Ngày sinh
hay sinh ra (30 / 08 / 1973).

Nơi sinh

Tên họ người cha

Tên họ người mẹ

Vợ chánh hay không có hôn thú

Tên họ người đứng khai

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH

chính - gian , ngày tháng năm 1973.
Viên chức bộ tịch

CHỖ CHỮ
SAY Y BẢN CHÍNH
Ngày 10 tháng 6 năm 1975.
Thị trấn Mậu Giang Trung Bình
THƯỜNG AN


Lê Văn Bền

CHỨNG THU HÔN THỦ

~~QUẬN~~ Khu phố: Thạc Gián

~~XX~~ Phường: Trưng Bính 4

Số hộ: 194

Họ và tên người chồng: LÊ - MÀU - THẮNG

Nghề-nghiệp: Quản nhân

Sinh ngày: 10 tháng 02 năm 1942

Tại: Bình - La - Thương, Triệu Phong, Quảng Trị.

Cư sở tại: Bình - La - Thương, Triệu Phong, Quảng Trị.

Tạm trú tại: KBC - 3935

Tên họ cha chồng: LÊ - THÂN (Sòng)

(Sòng chết phải nói)

Tên họ mẹ chồng: LÊ - THI - SIM (Chết)

(Sòng chết phải nói)

Tên họ người vợ: HUỖY - TÂN - NU - THI - QUANG.

Nghề nghiệp: Giáo viên

Sinh ngày: 27 tháng 7 năm 1948

Tại: Phú Mỹ, HUE

cư sở tại: Phú Mỹ, HUE

Tạm trú tại: Thạc Gián, Quận Nhì, Đà - Nẵng

Tên họ cha vợ: HU - DAI (Sòng)

(Sòng chết phải nói)

Tên họ mẹ vợ: NQO - THI - OQ (Sòng)

(Sòng chết phải nói)

— Ngày cưới: Ngày mười, tháng mười, năm một nghìn chín trăm sáu mươi chín (10 - 10 - 1969) .

— Vợ chồng khai có hay không lập hôn ước //

Ngày: // tháng // năm //

Tại: //

Trích y bốn chính

Thạc Gián, ngày 10 tháng 10 năm 19

Viện chức hộ tịch,



CHUNG THỰC
SÁO Y BẢN CHÍNH
Ngày 10 tháng 6 năm 1975
TH. BAN NĐQM Phường Trưng Bính 4
THUONG BAN

Lê Văn Biên

CHỨNG THƯ HÔN THỦ

~~Quảng~~ Khu phố: Thạc giãn

~~XX~~ Phường: Trưng bính A

Số hiệu 194

Họ và tên người chồng LE - HAU - THANG

Nghề-nhiệp Giao nhân

Sinh ngày 10 tháng 02 năm 1942

Tại Hinh - la - Thuang, Triều phong, Quảng trị.

Cư sở tại Hinh - la - Thuang, Triều phong, Quảng trị.

Tạm trú tại KBC. 3935

Tên họ cha chồng LE - THON (Sng)

(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ chồng LE - THI - SIM (Chet)

(Sống chết phải nói)

Tên họ người vợ HUYEN - TON - NU - THI - CUONG .

Nghề nghiệp Giao viên

Sinh ngày 27 tháng 7 năm 1948

Tại Phu Mỹ, HUE

cư sở tại Phu Mỹ, HUE

Tạm trú tại Thạc giãn, Quận nhĩ, Đà - nẵng

Tên họ cha vợ HU - DAI (Sng)

(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ vợ NOO - THI - OÜ (Sng)

(Sống chết phải nói)

— Ngày cưới Ngày mười, tháng mười, năm một nghìn chín trăm sáu mươi chín (10 - 10 - 1969) .

— Vợ chồng khai có hay không lập hôn khế //

Ngày // tháng // năm //

Tại //

Trích y bốn chính

Thạc giãn, ngày 10 tháng 10 năm 19

Viên chức hộ tịch,



CHUNG THUC

Sau Y BAN CHANH

Ngày 10 tháng 6 năm 1975

TM BAN NDM Phường Trưng Bính A

TRUONG BAN

Lê Văn Biền



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

TELEPHONE: 703-560-0058

Hội Đồng Quản Trị Board of Directors

KHÚC MINH THƠ
NGUYỄN THỊ HẠNH
NGUYỄN QUỲNH GIAO
NGUYỄN VĂN GIỚI
NGUYỄN XUÂN LAN
HIẾP LOWMAN
TRẦN KIM DUNG
TRẦN THỊ PHƯƠNG

Ban Chấp Hành T.T. Executive Board

KHÚC MINH THƠ
President
NGUYỄN QUỲNH GIAO
1st Vice-President
TRẦN KIM DUNG
2nd Vice-President
NGUYỄN VĂN GIỚI
Secretary General
TRẦN THỊ PHƯƠNG
Deputy Secretary
NGUYỄN THỊ HẠNH
Treasurer

Cố Vấn Đoàn Advisory Committee

HIẾP LOWMAN
NGUYỄN XUÂN LAN

Ngày 12 tháng 4 năm 1989

Kính gửi: Mrs LÊ-THỊ-LOAN

Thưa Ông/Bà,

Hội Gia-Đình Tù-Nhân Chính-Trị Việt-Nam đã nhận được thủ vớ hồ sơ của Ông/Bà xin đoàn tụ cho thân bằng quyến thuộc. Chúng tôi thành thật cảm ơn Ông/Bà đã tỏ lòng tin tưởng và hưởng ứng hoạt động của Hội trong công tác nhân đạo này để vận động cho thân nhân của chúng ta sớm được đoàn tụ.

Chúng tôi đang xúc tiến việc lập danh sách của quý thân nhân hiện còn bị giam giữ hay đã được trả tự do cùng với gia đình muốn rời Việt-Nam theo chương trình "Ra đi có trật tự" (ODP) để nộp cho cơ quan có thẩm quyền xử xét.

Nếu Ông/Bà chưa lập hồ sơ đoàn tụ cho thân nhân, xin hãy điền các mẫu đính kèm gửi về cho Hội, đồng thời chúng tôi cũng đề nghị Ông/Bà tiếp xúc với cơ quan thiên nguyện tại địa phương để lập thủ tục đoàn tụ qua chương trình "Ra đi có trật tự". Trường hợp đã nộp đơn rồi, xin gửi cho Hội một bản sao.

Vì Hội hoạt động có tính cách từ nguyện, nên xin Ông/Bà vui lòng mỗi khi liên lạc thủ tín với Hội, gửi cho một phong bì có dán tem sẵn để tiện việc phục đáp.

Kính thủ,

Bà Khúc Minh Thơ
Chủ Tịch

*** HỒ SƠ TÊN:

LE-MAU-THANG

() ĐIỀN VÀO CÁC MẪU ĐÍNH KẼM: (hoãn về Hội mỗi mẫu 2 bản)

*** TÀI LIỆU CẦN BỐ TÚC:

- () Hồ sơ bảo trợ () IV# , () LOI , () Exit visa , () I-171 , () GIẤY RA TRẠI
() Giấy hộ tịch (khai sanh, hôn thú, giấy ly dị, khai tử v.v...)
() Căn cước, chứng minh nhân dân, hình, giấy hộ khẩu v.v...
() Giấy bảo tử (nếu chết trong trại học tập)
() Tài liệu liên hệ đến tù nhân (mẫu câu hỏi ODP, Diploma, Certificate (nếu tu nghiệp ở Hoa Kỳ) huy chương v.v...)

*** CÁC THỦ KHÁC:



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

TELEPHONE: 703-560-0058

Hội Đồng Quản Trị Board of Directors

KHÚC MINH THƠ
NGUYỄN THỊ HANH
NGUYỄN QUỲNH GIÀO
NGUYỄN VĂN GIỚI
NGUYỄN XUÂN LAN
HIẾP LOWMAN
TRẦN KIM DUNG
TRẦN THỊ PHƯƠNG

Ban Chấp Hành T.Ư. Executive Board

KHÚC MINH THƠ
President
NGUYỄN QUỲNH GIÀO
1st Vice-President
TRẦN KIM DUNG
2nd Vice-President
NGUYỄN VĂN GIỚI
Secretary General
TRẦN THỊ PHƯƠNG
Deputy Secretary
NGUYỄN THỊ HANH
Treasurer

Cố Vấn Đoàn Advisory Committee

HIẾP LOWMAN
NGUYỄN XUÂN LAN

Mẫu Đơn Xin Gia-Nhập

HỘI GIA-ĐÌNH TÙ-NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM

-----ooo0ooo-----

Hội Gia-Đình Tù-Nhân Chính-Trị Việt-Nam hoạt động bất vụ lợi, thuận tụy xã hội và nhân đạo nhằm mục đích vận động cho việc trả tự do cho tù-nhân chính-trị Việt-Nam và đoàn-tu gia đình.

Hội thiết tha kêu gọi Cộng Đồng hưởng ứng hoạt động của Hội bằng cách tham gia tích cực và trở thành Hội Viên. Nếu quý vị nào muốn gia nhập Hội, xin cho biết những chi tiết sau đây :

Họ và Tên: LE THI LOAN
Địa chỉ: _____

Điện thoại: (số) _____ (Nha) _____

Tên tù nhân chính trị: LE MAU THANG, LE MAU THUNG
Liên hệ gia đình với tù nhân chính trị:
(Chà, Me, Vở, Anh Chì, Em, v.v.)

Xin quý vị cho biết quý vị có thể đóng góp bằng cách nào cho Hội: tùy theo ý muốn và lòng hảo tâm của quý vị.

Thời giờ: _____
Niệm liêm: ✓ (\$12.00)
Đóng góp ủng hộ: _____ (tùy ý)

Thủ từ, ngân phiếu xin gửi về:

HỘI GIA-ĐÌNH TÙ-NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM
P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205
TELEPHONE: 703-560-0058



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____

VEWL.# _____

I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE MAU THANG
Last Middle First

Current Address: 97/7 LY THAI TO DANANG VIETNAM

Date of Birth: FEB 1942 Place of Birth: QUANG - TRI

Previous Occupation (before 1975) Captain & ARVN
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 5-1975 To 3-1980
Years: 04 Months: 10 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: LE THI LOAN
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Bảo Lãnh Cựu Tù Nhân Cải Tạo Theo Cách Đoàn Tụ



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____
VEWL.# _____
I-171 : Yes. ☒ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE MAU THANG
Last Middle First
Current Address 97/7 LY THAI TO DANANG VIETNAM
Date of Birth FEB. 10. 42 Place of Birth THIEUPHONG QUANG TRI
Previous Occupation (before 1975) CAPTAIN 101
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 1975 To 1980
3. SPONSOR'S NAME: LE THI LOAN
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone	Relationship
<u>DEAN DUONG H. TRAN</u>	<u>BROTHER IN LAW</u>
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: 3-17-89

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LE MAU THANG
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
HUYEN TON MU THI CUONG	1-27-48	WIFE
LE HUYEN THUC NHA	6-22-70	DAUGHTER
LE CONG HUAN	1-1-72	SON
LE MINH HIEN	8-30-73	SON

DEPENDENT'S ADDRESS (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Nguyệt Sơn Chứng Nhân xin gửi đến quý độc giả muốn bảo lãnh thân nhân. Cụ Tả Nhân Chỉ tạo qua đường ODP, hai mẫu đơn mỗi mẫu in hai mặt, có thể đóng kẹp chỉ ra, để điền vào, xin bảo lãnh cho thân nhân của mình.

- Mẫu thứ nhất là mẫu ghi danh người được bảo lãnh.

- Mẫu thứ hai là mẫu hồ sơ hộ tịch của người được bảo lãnh.

Hai mẫu đơn này sau khi được hoàn tất, xin gửi chung cả hai mẫu về địa chỉ của:

**HỘI GIA ĐÌNH TỰ NHÂN CHÍNH TRỊ
VIỆT NAM**

P.O. BOX 5435

Arlington, VA 22205-0635

Nếu có thắc mắc, xin viết thư về địa chỉ trên hoặc gọi điện thoại số (703) 560-0058 (Bà Thơ)



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : LE MAU THANG
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE, PLACE OF BIRTH : 2 10 1942
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): ☒ Female (Nu): ☐
MARITAL STATUS Single (Doc than): ☐ Married (Co lap gia dinh): ☒
(Tinh trang gia dinh):
ADDRESS IN VIETNAM : 97/7 LY THAI TO DANANG
(Dia chi tai Viet-Nam) VIETNAM
POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) ☒ No (Khong) ☐
If Yes (Neu co): From (Tu): 1975 To (Den): 1980
PLACE OF RE-EDUCATION: TIENT CANH DANANG VIETNAM
CAMP (Trai tu)
PROFESSION (Nghe nghiep): GENERAL LABOR
EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): INTELLIGENCE SCHOOL - OKINAWA
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): CAPTAIN
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Date (nam):
APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): ☐ IV Number (So ho so):
No (Khong): ☒
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 4
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti
MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 97/7 LY THAI TO
DANANG VIETNAM
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
LE THI LOAN
U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): ☐ No (Khong): ☒
RELATIONSHIP WITH PRISONER. (Lien he voi tu nhan tai VN): SISTER
NAME & SIGNATURE: LE THI LOAN
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay):
DATE: 3 17 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LE MAU THANG
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
HUYEN TON NU THI CUONG	1-27-48	WIFE
LE HUYEN THUC NHI	6-22-70	DAUGHTER
LE CONG HUAN	1-1-72	SON
LE MINH HIEN	8-30-73	SON

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Bảo Lãnh Cựu Tù Nhân Cải Tạo

Nguyệt San Chứng Nhân xin gửi đến quý độc giả muốn bảo lãnh thân nhân Cựu Tù Nhân Cải tạo qua đường ODP, hai mẫu đơn mỗi mẫu in hai mặt, có thể dùng kéo cắt ra, để điền vào, xin bảo lãnh cho thân nhân của mình.

- Mẫu thứ nhất là mẫu ghi danh người được bảo lãnh.

- Mẫu thứ hai là mẫu hồ sơ lý lịch của người được bảo lãnh.

Hai mẫu đơn này sau khi được hoàn tất, xin gửi chung cả hai mẫu về địa chỉ của:

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

P.O. BOX 5435

Arlington, VA 22205-0635

Nếu có thắc mắc, xin viết thư về địa chỉ trên hoặc gọi điện thoại số (703) 560-0058 (Bà Thọ)

Nguyệt San Chứng Nhân được biết, những đơn xin bảo lãnh Cựu Tù Nhân Cải Tạo sẽ được Hội chuyển thẳng đến bộ ngoại giao Hoa Kỳ để chờ can thiệp.

ĐOÀN NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập, Tự do, Hạnh phúc

312/1979

10 tháng 03 năm 1980

III - I A Y RA TRẠI

Theo thông tư số 966/BCA/TT ngày 31 tháng 5 năm 1971 của Bộ Nội vụ

Thi hành án văn quyết định tha số 180 ngày 01/12/1979 của Ủy ban Quản lý giam giữ nhà tù.

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ và tên mai danh: LE MAU THANG
Họ và tên thường gọi: Chàng / Họ và tên bí danh: Chàng
Sinh ngày: 10 tháng 02 năm 1942
Nơi sinh: Thị trấn Hùng Vương, huyện Hùng Vương, tỉnh Vĩnh Long
Mức lương kỳ nhận: thưởng, trừ trước khi bị bắt / 16/10 nhận lương
Số tiền: Chàng / Chàng
Án phạt: 12 năm / 12 năm
Theo quyết định án văn số: 2278
ngày: 13 tháng 12 năm 1979 của tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long
Đã bị tước án: lần 1 Công / lần 2 Công
Đã được giảm án: lần 1 Công / lần 2 Công
Đã ra tù tại: 16/10 Thị trấn Hùng Vương, huyện Hùng Vương, tỉnh Vĩnh Long

NHẬN XÉT QUÁ TRÌNH CHÁI TẠO

Trong thời gian học tập cải tạo, tư tưởng an tâm, xác định rõ việc làm sai trái, quá lao động có nhiều tiến bộ, biết cố gắng tích cực, nghiêm chỉnh chấp hành nội quy kỷ luật của Trại, chưa có gì sai phạm lớn.

Nay Ban giám thị Trại chúng tôi đề nghị về các cơ quan chính quyền và đoàn thể ở địa phương hết sức giúp đỡ anh Chàng tiến bộ nhiều hơn nữa để trở thành người công dân lương thiện.

- Lăn ngón tay bro fải
- Của Le mau Chàng
- Danh bản số 57930
- Lăn tại Q.N.V.N

Họ tên và chữ
ký người được
cấp giấy

th
Le mau Thang

(m. Ban giám thị
Trại cải tạo Tiên Lãng)



QUY VẤN BẢN

THI LOAN



- Vài
- 54
- Th3 + HU
- ODP

HỘI GIẢI ĐINH TUNHAN CHINH TRI
VIETNAM
P.O. BOX 5435
ARLINGTON VA 22205-0635



Lê mai thặng

Lê công
Hân

Lê minh hiền

Huyền tôn mi Hui
cương

Lê Huyền thục Núi